

DỰ THẢO 1

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; trách nhiệm quản lý nhà nước về giá của Sở Tài chính, các sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong ngành, lĩnh vực; quyền hạn, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực giá.

2. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá của tỉnh; các cơ quan được phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức, cá nhân khác (kể cả các đơn vị sự nghiệp công lập) có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

4. Người tiêu dùng.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về giá trong lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quy định này.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm chấp hành đúng các quy định pháp luật về giá, quy định của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Bình ổn giá

1. Việc thực hiện bình ổn giá tại địa phương được triển khai như sau:

a) Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực được phân công thực hiện bình ổn giá tại địa phương quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này, đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn để xây dựng báo cáo bình ổn giá (gồm các nội dung như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP), kèm theo văn bản đề nghị bình ổn giá (gồm các nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP) gửi Sở Tài chính trong trường hợp mặt bằng giá thị trường hàng hóa dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá có biến động bất thường tại địa phương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 của Luật Giá.

b) Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp bình ổn giá, thời hạn bình ổn giá phù hợp và phân công tổ chức thực hiện. Trường hợp cần thiết, Sở Tài chính yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan báo cáo các thông tin khác phục vụ cho việc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Chính phủ về kết quả bình ổn giá, đồng thời gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm chấp hành các biện pháp bình ổn giá được công bố và thực hiện kê khai lần đầu, kê khai lại giá theo quy định với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kể từ ngày biện pháp bình ổn giá được áp dụng.

4. Các cơ quan, đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực được phân công thực hiện bình ổn giá chịu trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện bình ổn giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo theo quy định.

5. Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cân bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Giá. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của nhiều sở, ngành thì Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cho một trong các sở quản lý theo ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ chủ trì.

Điều 5. Định giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá và hình thức định giá được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng).

2. Lập phương án giá

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá: thực hiện theo quy định tại điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP).

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá: thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP).

c) Đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể mà trên địa bàn của tỉnh không có tổ chức, cá nhân kinh doanh, **cung ứng** hàng hóa, dịch vụ thì không phải thực hiện việc định giá.

d) Hồ sơ, biểu mẫu phương án giá thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9, Phụ lục II Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

3. Thẩm định phương án giá

a) Cơ quan thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ (trừ sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh) theo phân công nhiệm vụ thẩm định phương án giá tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

b) Cơ quan thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh thực hiện như sau:

- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức cấp tỉnh:

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan quản lý cấp trên đặt hàng: cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập chủ trì thẩm định phương án giá.

+ Đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác: cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ cấp tỉnh chủ trì thẩm định phương án giá.

- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì thẩm định phương án giá, phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ tham mưu việc thẩm định phương án giá.

c) Trình tự, thủ tục thẩm định phương án giá thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP).

4. Về điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ

Việc điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, trong đó trình tự, thủ tục thẩm định phương án điều chỉnh giá thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

Riêng đối với trường hợp điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá, khi mức giá đề xuất điều chỉnh vẫn nằm trong khung giá hoặc thấp hơn giá tối đa hoặc cao hơn giá tối thiểu đã được cơ quan có thẩm quyền quy định thì cơ quan, đơn vị thẩm định phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá như các hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá. Văn bản định giá sau khi ban hành phải được gửi để thông báo đến cơ quan định khung giá, giá tối đa hoặc giá tối thiểu.

5. Về thành phần hồ sơ

a) Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá (hoặc điều chỉnh giá) thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu bao gồm các thành phần thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 6. Kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

2. Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này. Đồng thời giao các sở quản lý ngành, lĩnh vực theo lĩnh vực được phân công chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ

đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương.

3. Ban hành Danh sách kê khai giá

a) Từ ngày 15 tháng 12 của năm trước đến trước ngày 05 tháng 01 năm sau, các sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã được phân công tiếp nhận văn bản kê khai giá quy định tại khoản 2 Điều này chủ trì rà soát, lựa chọn Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong Danh sách kê khai giá của các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành (sau đây viết tắt là Danh sách kê khai giá) gửi Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá tổng hợp định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

Riêng đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh: Sở Y tế **rà soát, lựa chọn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn ngoài các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê khai giá tại Bộ Y tế và rà soát, lựa chọn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý để đưa vào Danh sách thực hiện kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.**

Thời hạn đăng tải Danh sách kê khai giá tổng hợp định kỳ hàng năm và Danh sách kê khai giá bổ sung trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ thời điểm ban hành Danh sách kê khai giá.

b) Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá rà soát, lập Danh sách, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung.

c) Việc lựa chọn tổ chức kinh doanh để đưa vào Danh sách kê khai giá căn cứ theo yêu cầu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và công tác quản lý nhà nước về giá tại địa phương.

4. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

5. Văn bản kê khai giá thực hiện theo mẫu tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

6. Trường hợp cần điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương.

c) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 7. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Nội dung công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường:

a) Nguyên tắc tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Giá năm 2023.

b) Yêu cầu đối với việc tổ chức thu thập thông tin tài sản, hàng hóa, dịch vụ; công tác thu thập thông tin tài sản, hàng hóa, dịch vụ và phương pháp thu thập thông tin tài sản, hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí đảm bảo cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

c) Việc phân tích diễn biến giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

d) Việc dự báo giá thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

2. Nội dung báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi số liệu báo cáo giá thị trường địa phương theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC:

a) Cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ hoặc đột xuất được quy định tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định này.

b) Việc thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo **Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị** xây dựng báo cáo định kỳ hàng tháng, đột xuất trên cơ sở thực hiện thu thập, tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý, gửi báo cáo cho Sở Tài chính (phòng Quản lý giá và Công sản) vào ngày 25 hàng tháng để Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo gửi Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh đúng thời gian quy định (số liệu báo cáo tính từ ngày 25 của tháng liền kề trước đến trước ngày 25 của tháng báo cáo).

d) Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng báo cáo định kỳ, đột xuất trên cơ sở thực hiện thu thập, tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường địa phương, gửi báo cáo cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Phương thức gửi báo cáo:

a) Sở Tài chính gửi báo cáo cho Bộ Tài chính theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Các Sở, **Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị** và Trường Đại học Khánh Hòa gửi báo cáo cho Sở Tài chính như sau:

- Gửi báo cáo định dạng thống nhất theo đường văn bản hành chính điện tử (hệ thống tác nghiệp điện tử E-office);

- Đồng thời cập nhật vào hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại địa chỉ: <https://cosodulieugia.khanhhoa.gov.vn/>.

4. Kinh phí đảm bảo cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Điều 8. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; triển khai tổ chức các hoạt động quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã:

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Có trách nhiệm thực hiện cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

3. Thông tin, dữ liệu được cập nhật vào cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, giá hàng hóa dịch vụ được thực hiện kê khai trên địa bàn tỉnh;

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại địa phương;

e) Giá hàng hóa dịch vụ khác trên địa bàn tỉnh:

- Trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên.

- Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại địa phương.

- Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm tại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ cần thiết khác phục vụ công tác dự báo và quản lý nhà nước về giá.

- Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định.

Điều 9. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính chủ trì kiểm tra các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quy định này.

2. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, chịu trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật Giá:

a) Chủ trì kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại Phụ lục II và Phụ lục III Quyết định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy định này, đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thuộc lĩnh vực quản lý của nhiều sở, ngành thì sở quản lý ngành, lĩnh vực được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công chủ trì trong công tác bình ổn giá đồng thời chủ trì trong công tác kiểm tra.

3. Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá. Trong quá trình kiểm tra nếu có trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá thì xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quy định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu có phát sinh vướng mắc, các Sở, ngành, địa phương, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.